

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1**MÔN: TIẾNG ANH 4 FAMILY AND FRIENDS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. NỘI DUNG ÔN TẬP****STARTER: WELCOME BACK!****Ngữ pháp**

- Cấu trúc nói về ngoại hình của ai đó:

S + have/has + tính từ + danh từ.I have long hair. (*Tôi có mái tóc dài*)She has brown eyes. (*Cô ấy có đôi mắt màu nâu.*)

- Hỏi ai đó ở đâu:

Where's + chủ ngữ số ít?Where's Billy? (*Billy đâu rồi?*)

- Giới thiệu thành viên trong gia đình:

This/that + is + sở hữu cách + danh từ.This is Rosy's mom. (*Đây là mẹ của Rosy.*)

- Nói về màu sắc yêu thích:

Tính từ sở hữu + color + is + màu sắc.My favorite color is blue. (*Màu sắc yêu thích của mình là màu xanh dương.*)**UNIT 1. THEY'RE FIREFIGHTERS!****Ngữ pháp**

- Cấu trúc nói ai đó làm nghề gì với chủ ngữ số nhiều:

We/They + are + danh từ số nhiều.They're students. (*Họ là những học sinh.*)

- Nói về công việc của ai đó

They/We/ Danh từ số nhiều + help + cụm danh từ.**They/We/ Danh từ số nhiều + động từ nguyên thể.**We help everyone. (*Chúng tôi giúp đỡ tất cả mọi người.*)Farmers grow food. (*Những người nông dân trồng lương thực.*)**UNIT 2. DOES SHE WORK IN A POLICE STATION?**

Ngữ pháp

Nói về việc ai đó làm việc/không làm việc ở địa điểm nào với chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít:

- Câu khẳng định:

He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + works + in + a + địa điểm.

He works in a bank. (*Anh ấy làm việc ở một ngân hàng.*)

- Câu phủ định:

He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + doesn't work + in + a + địa điểm.

She doesn't work in a store. (*Cô ấy không làm việc ở một cửa hàng.*)

- Câu hỏi yes/no:

Does + he/she/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + work + in + a + địa điểm?

Trả lời:

Yes, he/she/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + does.

hoặc

No, he/she/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + doesn't.

Does she work in a police office? (*Cô ấy làm việc ở đồn cảnh sát phải không?*)

Yes, she does. (*Đúng vậy.*)

UNIT 3. WOULD YOU LIKE A BUBBLE TEA?**Ngữ pháp**

Mời ai đó ăn/uống một cách lịch sự:

Would you like (+ a/an) + danh từ?

Trả lời:

Yes, please. (*Mình có, làm ơn.*)

No, thanks. (*Mình không, cảm ơn.*)

Would you like a bubble tea? (*Bạn có muốn uống trà sữa trân châu không?*)

Yes, please. (*Mình có, làm ơn.*)

- Gọi đồ ăn/uống một cách lịch sự:

I would like (+ a/an) + danh từ, please.

I would like fries, please.

(*Tôi muốn chút khoai tây chiên, làm ơn.*)

- Hỏi ai đó thích gì với chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít:

What + does + he/she/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + like?

Trả lời dạng khẳng định:

He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + likes + danh từ.

Trả lời dạng phủ định:

he/she/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + doesn't like + danh từ.

What does she like? (*Cô ấy thích gì?*)

She like chicken. (*Cô ấy thích thịt gà.*)

UNIT 4. WE HAVE ENGLISH!

Ngữ pháp

- Hỏi xem có những môn học gì vào một ngày nào đó trong tuần:

What do we have + on + ngày trong tuần?

Trả lời:

We have + môn học + on + ngày trong tuần.

What do we have on Mondays? (*Chúng ta có môn gì vào thứ Hai?*)

We have English on Mondays. (*Chúng ta có môn tiếng Anh vào thứ Hai.*)

- Hỏi ý kiến ai đó trước khi làm gì:

Can + S + động từ nguyên thể?

Trả lời:

Yes, S + can.

No, S + can't.

Can we take these bags. (*Chúng tôi có thể lấy những cái túi này chứ?*)

Yes, you can. (*Được, các bạn có thể.*)

UNIT 5. WE'RE HAVING FUN AT THE BEACH!

Ngữ pháp: Thì hiện tại tiếp diễn thể khẳng định và phủ định

- Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn thể khẳng định:

I + am + V-ing.

He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + is + V-ing.

We/You/They/Danh từ số nhiều/2 tên riêng trở lên + are + V-ing.

Lưu ý:

I am = I'm

She's = She is

He's = He is

They're = They are

We're = We are

I am swimming. (*Tôi đang bơi.*)

He's collecting shells. (*Anh ấy đang thu thập vỏ sò.*)

They're playing with a ball. (*Họ đang chơi với một quả bóng.*)

- Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn thể phủ định:

I + am not + V-ing.

He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + isn't + V-ing.

We/You/They/Danh từ số nhiều/2 tên riêng trở lên + aren't + V-ing.

Lưu ý:

isn't = is not

aren't = are not

I am not swimming. (*Tôi đang không bơi.*)

He isn't collecting shells. (*Anh ấy đang không thu thập vỏ sò.*)

They aren't playing with a ball. (*Họ đang không chơi với một quả bóng.*)

UNIT 6. FUNNY MOKEYS!

Ngữ pháp: Thì hiện tại tiếp diễn thể nghi vấn và câu trả lời

- Câu hỏi yes/no:

Is + He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + V-ing?

Are + We/You/They/Danh từ số nhiều/2 tên riêng trở lên + V-ing?

Câu trả lời:

Yes, S + am/is/are.

No, S + am not/isn't/aren't.

Are you reading? (*Bạn đang đọc à?*)

No, I am not. (*Mình không?*)

- Câu hỏi với "What":

What + to be + S + doing?

Trả lời:

I + am + V-ing.

He/She/Danh từ số ít/1 tên riêng duy nhất + is + V-ing.

We/You/They/Danh từ số nhiều/2 tên riêng trở lên + are + V-ing.

What are they doing? (*Họ đang làm gì vậy?*)

They're feeding the monkeys. (*Họ đang cho những con khỉ ăn.*)

B. BÀI TẬP

STARTER: WELCOME BACK!

I. Listen and check (✓).

Name	Favorite day(s) of the week				
	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
1. Duy					
2. Ha					
3. Hoang					
4. Thu					

II. Choose the correct answer.

1. My _____ color is red.

- A. curly
- B. favorite
- C. short

2. She _____ long hair.

- A. have
- B. having
- C. has

3. I _____ blue eyes.

- A. have
- B. having
- C. has

4. This is _____ brother>

- A. Jane
- B. Janes'
- C. Jane's

5. This is my grandma. _____ has curly hair.

- A. She
- B. He

C. They

III. Writing: Write a paragraph (20-30 words) about your friend.

You can answer questions below:

1. What's his/her name?
2. How old is he/she?
3. What does he/she look like (face, eyes, hair...)?
4. What's his/her favorite toy/color/food...?

IV. Speaking: Talk about you

1. What's your name?
2. How old are you?
3. What's your favorite day in a week?
4. What's your favorite color?
5. What's your favorite animal?

UNIT 1. THEY'RE FIREFIGHTERS!

I. Read and fill in the blank with a suitable job. The first letter is given.

1. This person teaches students at school. It's a t_____.
2. This person grows food. It's a f_____.
3. This person helps sick people. It's a d_____.
4. This person fights fires. It's a f_____.
5. This person flies planes. It's a p_____.

II. Writing: Choose one of your family members. Write 20-30 words about his/her job.

You can answer questions below:

1. Who is he/she?
2. How old is he/she?
2. What's his/her job?
3. What does he/she do?

III. Speaking: Talk about your family and their jobs

1. How many people are there in your family.
2. What does your father/mother/sister/brother/grandma/grandpa... do?

UNIT 2. DOES SHE WORK IN A POLICE STATION?

I. Rearrange words to make correct sentences.

1. works/ office./ in/ an/ She

2. doesn't/ He/ in/ a/ store./ work

3. work/ They/ airport./ in/ an

4. hospital./ a/ We/ work/ in/ don't

5. fire station./ in/ a/ work/ doesn't/ He

II. Writing: Write about a family member's job

You can answer questions below:

1. Where does he/she work?
2. What does he/she do there?
3. Does he/she like his/her job?

III. Speaking: Talk about where your family works

1. Where does he/she work?
2. When does he/she go to work?
3. When does he/she come home from work?
4. Does he/she like his/her job?

UNIT 3. WOULD YOU LIKE A BUBBLE TEA?

I. Find ONE mistake in the sentence below.

1. Would you liking chicken or fries?
2. What does she likes?
3. I doesn't like noodles.
4. Would you likes a bubble tea?
5. My sister don't like pizza.

II. Writing: Write about types of food you want for your breakfast, lunch and dinner.

You can answer questions below:

1. What would you like for breakfast?
2. What would you like for lunch?

3. What would you like for dinner?

III. Speaking: Imagine you and your family go to a restaurant for lunch.

1. What would you like?

2. What would your father/mother/sister/brother... like?

UNIT 4. WE HAVE ENGLISH!

I. Choose the correct answer.

1. ____ do we have on Mondays? – We have English Mondays.

A. What

B. Who

C. When

2. Can I _____ these bags?

A. taking

B. takes

C. take

3. We play games at breaktime in the _____.

A. school yard

B. art room

C. computer room

4. You draw and colour pictures in the _____ lesson.

A. math

B. art

C. English

5. We have PE _____ Thursdays.

A. in

B. on

C. at

II. Writing: Write about your favorite subject at school.

You can answer questions below:

1. What's your favorite subject?

2. When do you have it?

3. What do you do during the lessons of that subject?

4. Why do you like it? (Optional)

III. Speaking: Talk about your favorite room in your school and what the students do there

1. What's your favorite room at your school?

2. What does it look like?

2. When do you use it?

3. What do students do there?

UNIT 5. WE'RE HAVING FUN AT THE BEACH!

I. Rearrange the given words to make a correct sentence.

1. and Long/ running./ are/ Minh

2. is/ My/ a magazine./ reading/ mom

3. He/ not snorkeling./ is/ he/ collecting shells./ is

4. am/ a boat./ going/ not/ I/ on

5. they/ What/ doing?/ are

II. Writing: Choose the place for a trip. Write about your trip.

You can answer questions below:

1. Where are you?

2. Who are you with?

3. What are you doing there?

4. What are other people doing?

III. Speaking: Imagine you and your family are going on a holiday trip. Talk about activities you are doing.

1. Where are you and your family?

2. Is there anything interesting here? If yes, what is it/are they?

3. What are you doing?

4. What are your family members doing?

UNIT 6. FUNNY MOKEYS!

I. Look at the picture. Answer the questions. There is one example.



1. Is the monkey eating? - Yes, it is.
2. What are the snakes doing?
3. Are the penguins swimming?
4. What is the mouse doing?
5. Is the crocodile sleeping?
6. What is the zebra doing?
7. Are the children talking?

II. Writing: Write about your school trip

You can answer questions below:

1. When is the trip?
2. Where is the trip?
2. What to bring?
3. What can you do?

III. Speaking: Talk about your trip to the zoo

1. When do you go?

2. Who do you go with?
4. What to bring?
3. What can you see there?

C. ĐÁP ÁN

STARTER: WELCOME BACK!

I. Listen and check (√).

Name	Favorite day(s) of the week				
	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
1. Duy	√				
2. Ha					√
3. Hoang	√			√	
4. Thu		√	√		

II. Choose the correct answer.

1. B	2. C	3. A	4. C	5. A
------	------	------	------	------

III. Writing: Write a paragraph (20-30 words) about your friend.

Suggested answer:

My friend's name is Tu Anh. Tu Anh is 9 years old. She is pretty with short hair and round eyes. Her favorite toy is her doll. Tu Anh also likes blue and pasta.

IV. Speaking: Talk about you

Suggested answers:

1. My name is Nhu.
2. I'm 9 years olds.
3. My favorite day is Friday.
4. My favorite color is green.
5. My favorite animal is cats. They're cute.

UNIT 1. THEY'RE FIREFIGHTERS!

I. Read and fill in the blank with a suitable job. The first letter is given.

1. teacher	2. farmer	3. doctor	4. firefighter	5. pilot
------------	-----------	-----------	----------------	----------

II. Writing: Choose one of your family members. Write 20-30 words about his/her job.

Suggested answer:

My mom is 36 years old. She is a doctor. She is busy during weekdays. She goes to work at 6:30 every morning from Monday to Friday. She helps sick people and take care of them.

III. Speaking: Talk about your family and their jobs

Suggested answers:

1. There are 4 people in my family.

2. My father is a pilot.

My mom is a doctor.

My brother and I are students.

UNIT 2. DOES SHE WORK IN A POLICE STATION?

I. Rearrange words to make correct sentences.

1. She works in an office.
2. He doesn't work in a store.
3. They work in an airport.
4. We don't work in a hospital.
5. He doesn't work in a firre station.

II. Writing: Write about a family member's job

Suggested answer:

My sister is a teacher. She goes to work at 7:00 in the morning from Monday to Friday. She teaches students at school. She comes home at 4:00 in the afternoon. I think she likes her job a lot!

III. Speaking: Talk about where your family works

Suggested answers:

1. My father work at a hospital.
2. He goes to work at 6:30 in the morning.
3. He often comes home late, at 6:00 or 7:00 in the evening.
4. He likes his job although he's always busy.

UNIT 3. WOULD YOU LIKE A BUBBLE TEA?

I. Find ONE mistake in the sentence below.

1. liking => like	2. likes => like	3. doesn't => don't	4. likes => like	5. don't => doesn't
-------------------	------------------	------------------------	------------------	------------------------

II. Writing: Write about types of food you want for your breakfast, lunch and dinner.

Suggested answer:

I would like bread and milk for breakfast. I would like rice and chicken for lunch. I would like pizza and salad for dinner. They are my favorite dishes!

III. Speaking: Imagine you and your family go to a restaurant for lunch.

If I go to a restaurant with my family, it would be a Vietnamese restaurant. I would like rice and chicken. My mother would like some Vietnamese salad such as *nộm hoa chuối*. My father would like fish and soup. My brother would like some coke.

UNIT 4. WE HAVE ENGLISH!**I. Choose the correct answer.**

1. A	2. C	3. A	4. A	5. B
------	------	------	------	------

II. Writing: Write about your favorite subject at school.**Suggested answers:**

1. My favorite subject is English.
2. I have English on Mondays and Thursdays.
3. I learn new words, grammar and play games during English lessons.
4. I like English because I want to study abroad in the future.

III. Speaking: Talk about your favorite room in your school and what the students do there**Suggested answer:**

My favorite room at my school is art room. It's big. There are a lot of picture, paintbrushes and colors in my school's art room. I use it when I have art. We can draw, paint and color our beautiful pictures there.

UNIT 5. WE'RE HAVING FUN AT THE BEACH!**I. Rearrange the given words to make a correct sentence.**

1. Minh and Long are running.
2. My mom is reading a magazine.
3. He is not snorkeling, he is collecting shells.
4. I am not going on a boat.
5. What are they doing?

II. Writing: Choose the place for a trip. Write about your trip.**Suggested answer:**

I am in Nhat Le beach. I am with my family. I am collecting shells on the beach. My father and my brother are swimming. It looks fun! My mom is sitting on a chair and drinking some coconut water.

III. Speaking: Imagine you and your family are going on a holiday trip. Talk about activities you are doing.

Suggested answers:

1. We are in Nhat Le beach.
2. Yes, it is . The sea is very beautiful.
3. I am collecting shells.
4. My father and my brother are swimming.

My mom is sitting on a chair and drinking some coconut water.

UNIT 6. FUNNY MOKEYS!

I. Look at the picture. Answer the questions. There is one example.

2. They're sleeping.
3. No, they aren't.
4. It's eating.
5. No, it isn't.
6. It's drinking (water).
7. No, they aren't.

II. Writing: Write about your school trip

Suggested answer:

My school trip is on this weekend. We go to the zoo. My teacher says we should bring a hat or an umbrella and some water. I can watch many animals there.

III. Speaking: Talk about your trip to the zoo

Suggested answers:

1. I went to the zoo last Sunday.
2. I went with my brother.
3. I brought a hat, some water and a camera.
4. I can see a lot of animals there.